



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Phát triển Hàng Hải

Ngày 28/06/2024	24,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.4%	-	-

DT thuần Q2/24
56.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.50 17.7%
YoY: ▲ 19.5 52.6%

LN thuần Q2/24
4.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.04 100%
YoY: ▲ 0.56 15.9%

LN sau thuế Q2/24
3.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17 4.5%
YoY: ▼ 0.56 -12.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
8.4%
YoY: +/- ▼ 1.2%

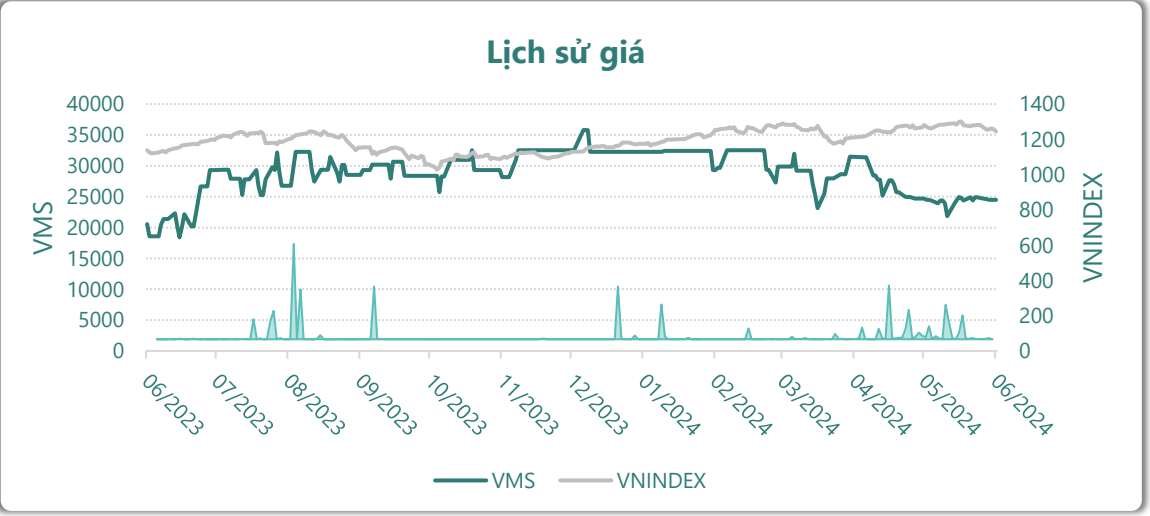
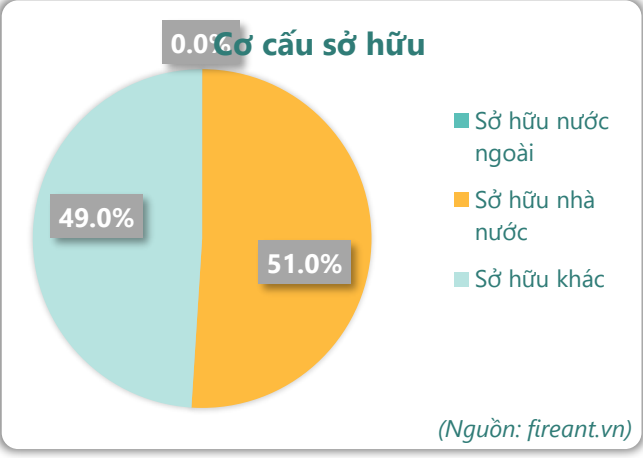
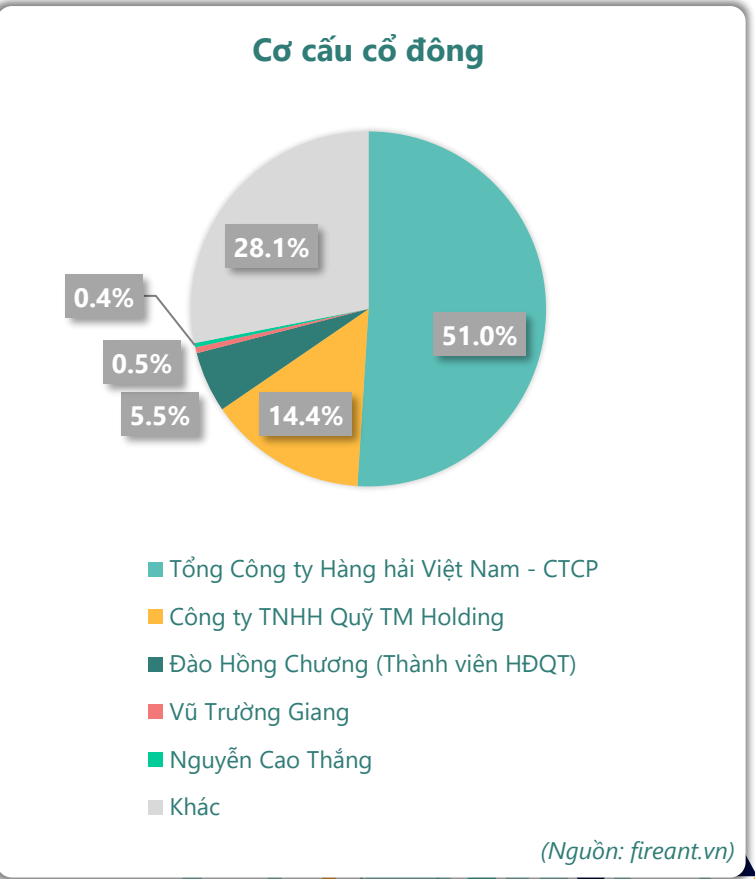
ROE (TTM) Q2/24
11.3%
YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,411 - 35,799
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
Số lượng CPLH (CP)	8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,090
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.82)
EPS	1,800
P/E	13.6

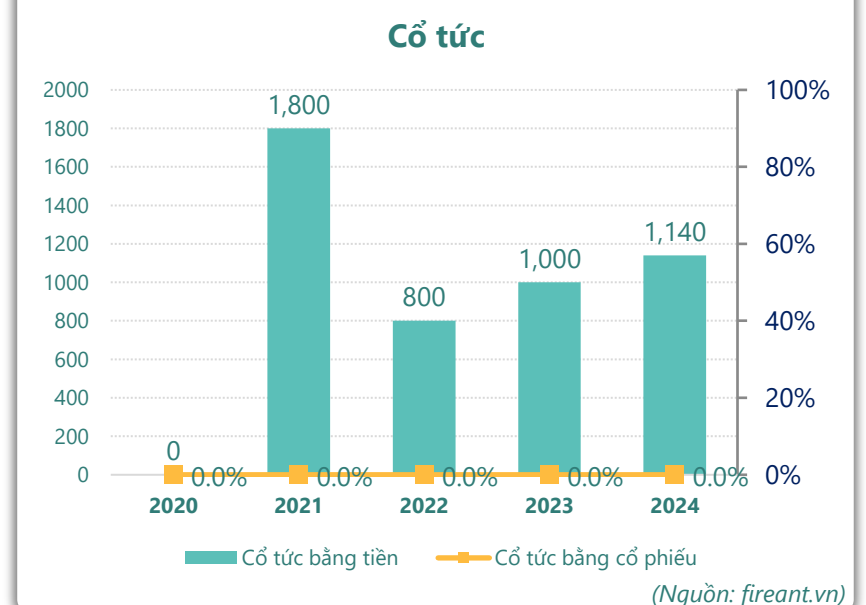
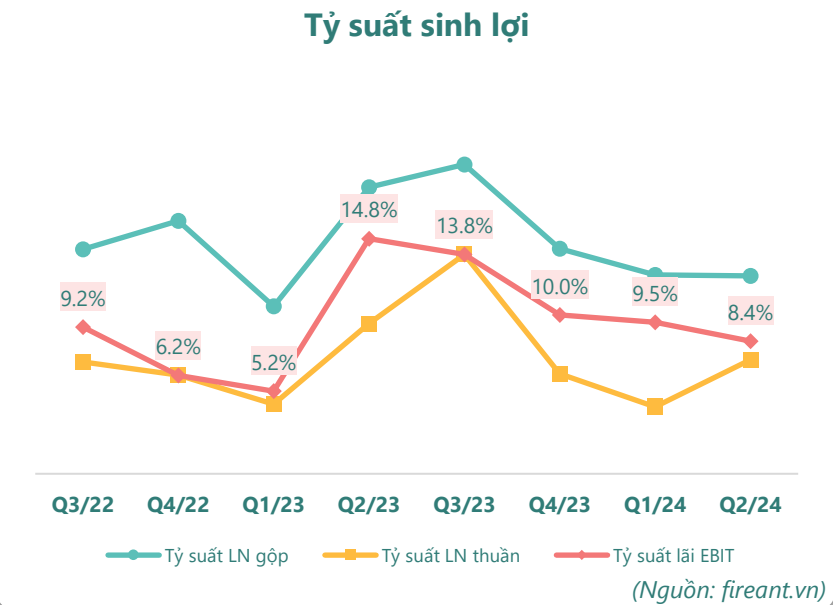
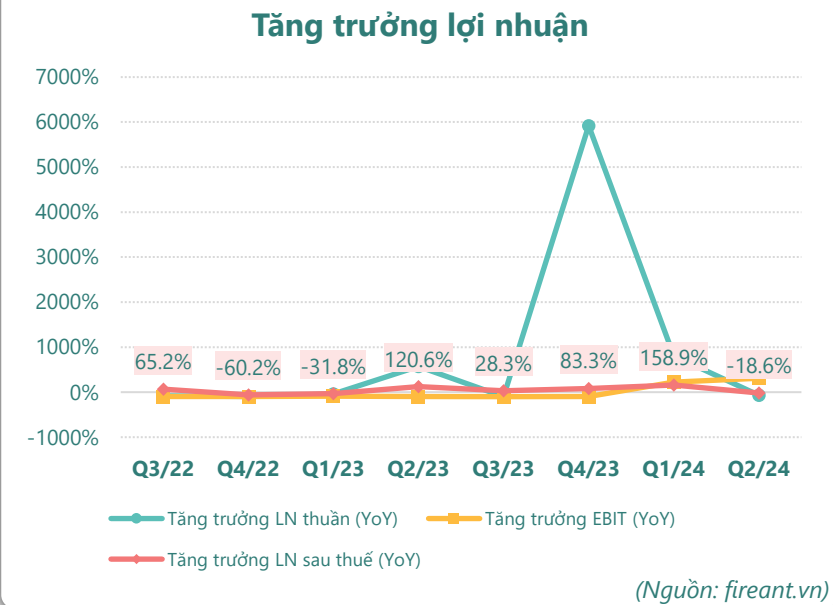
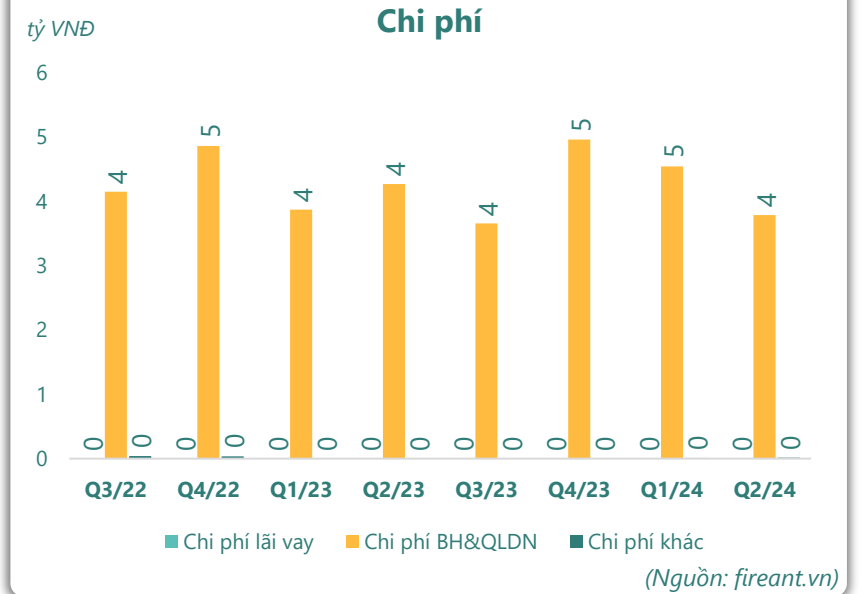
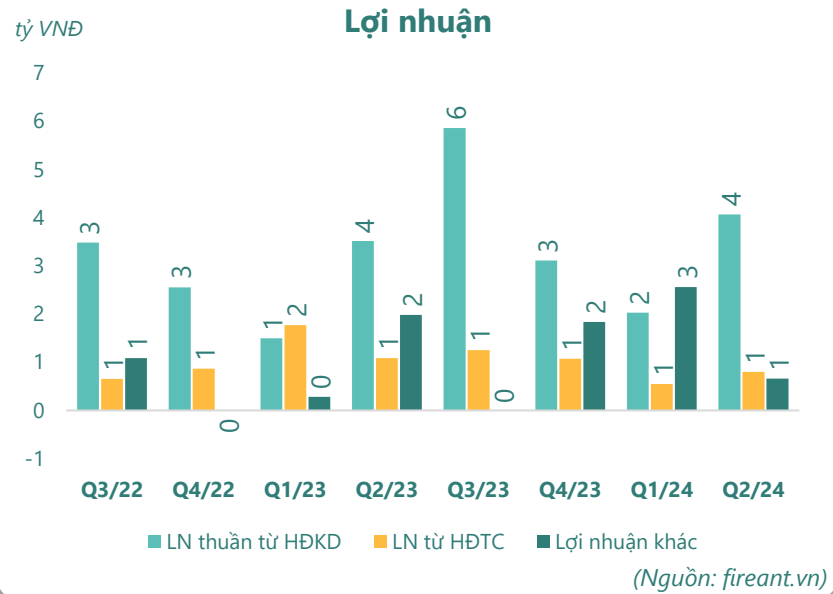
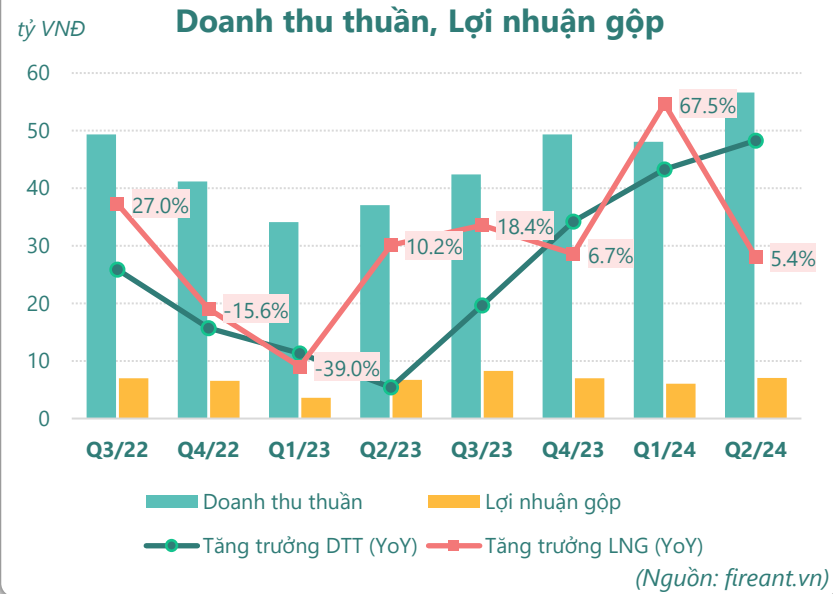
DT thuần 6T 2024
105
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.8 47.1%

LN thuần 6T 2024
6.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.09 21.7%

LN sau thuế 6T 2024
7.51
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.69 29.1%



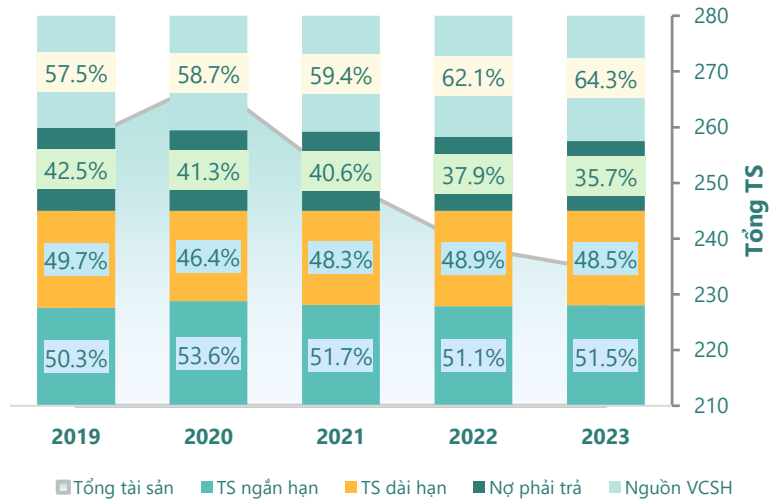
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

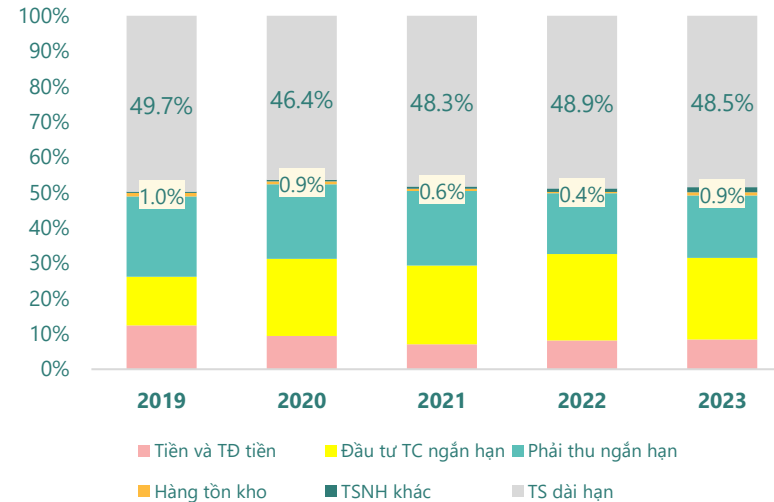
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

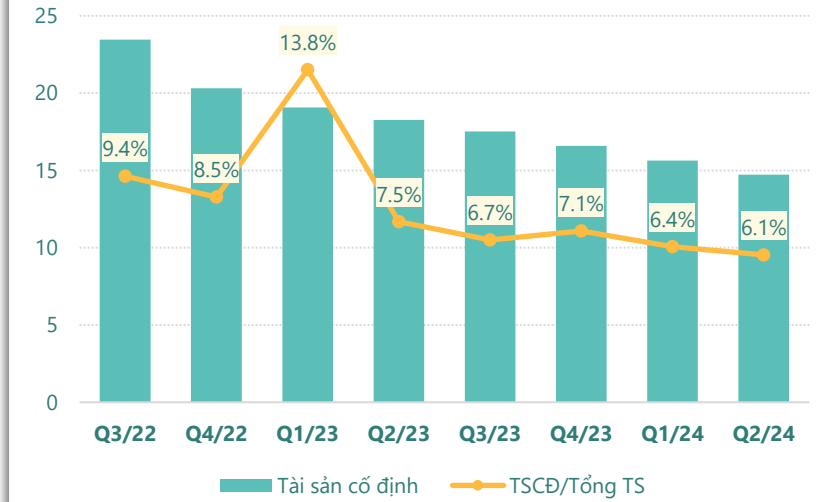
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

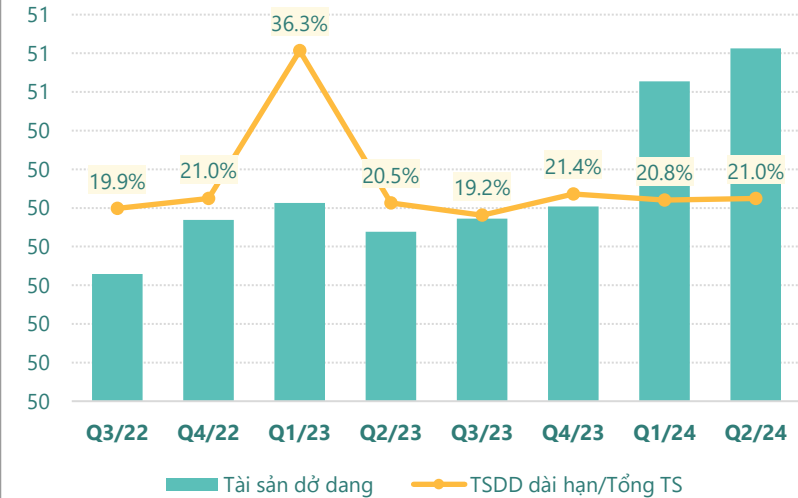
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

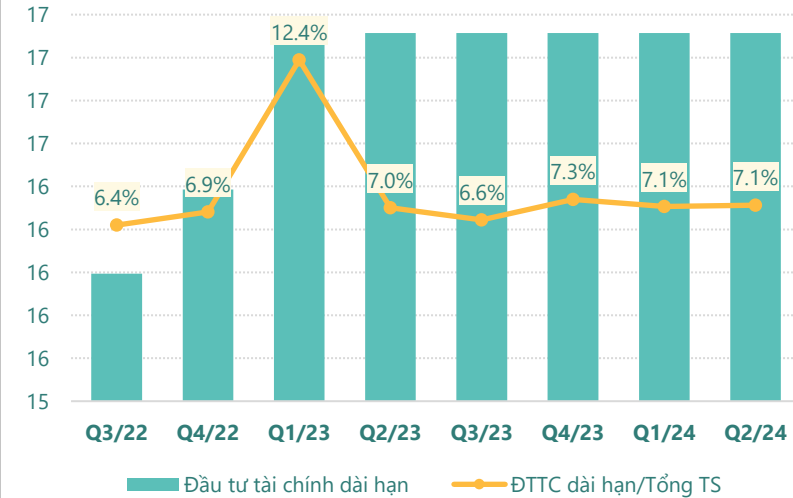
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

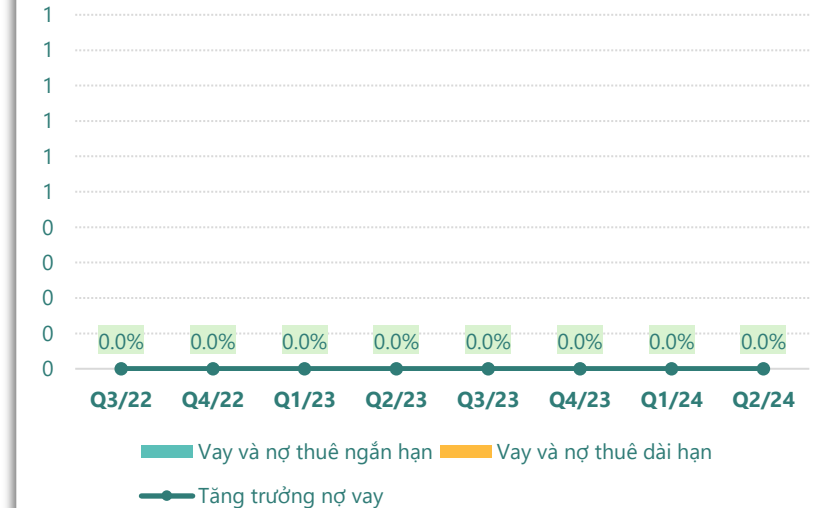
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

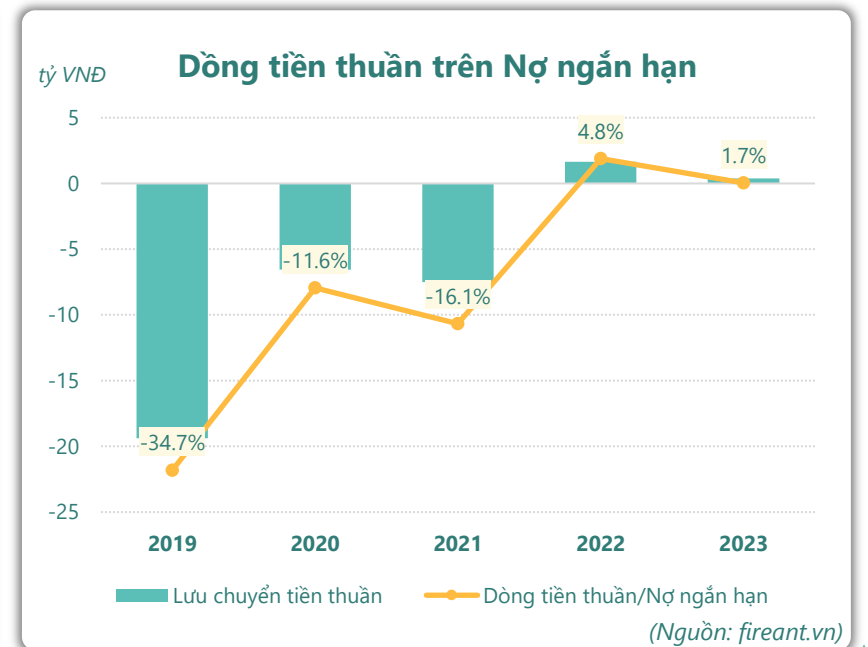
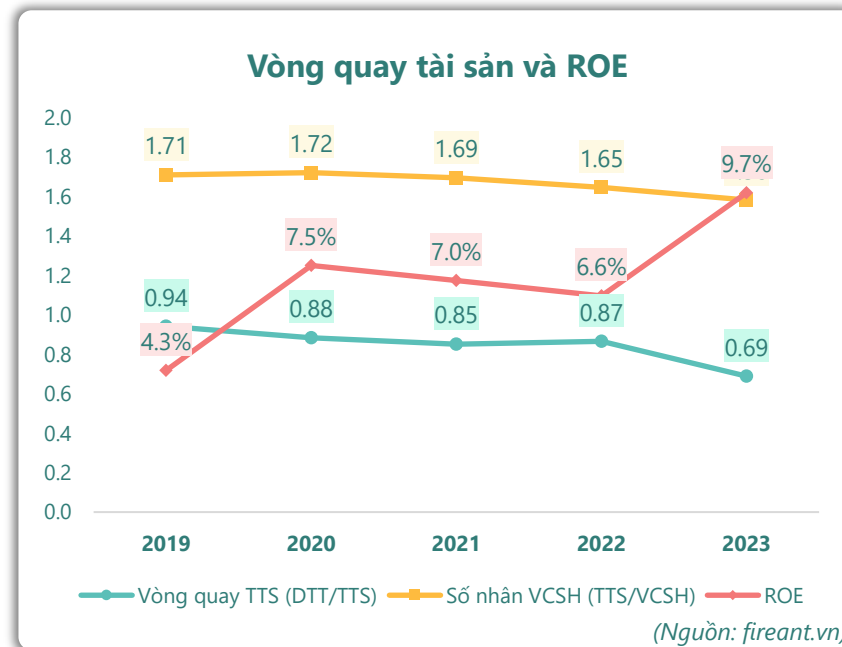
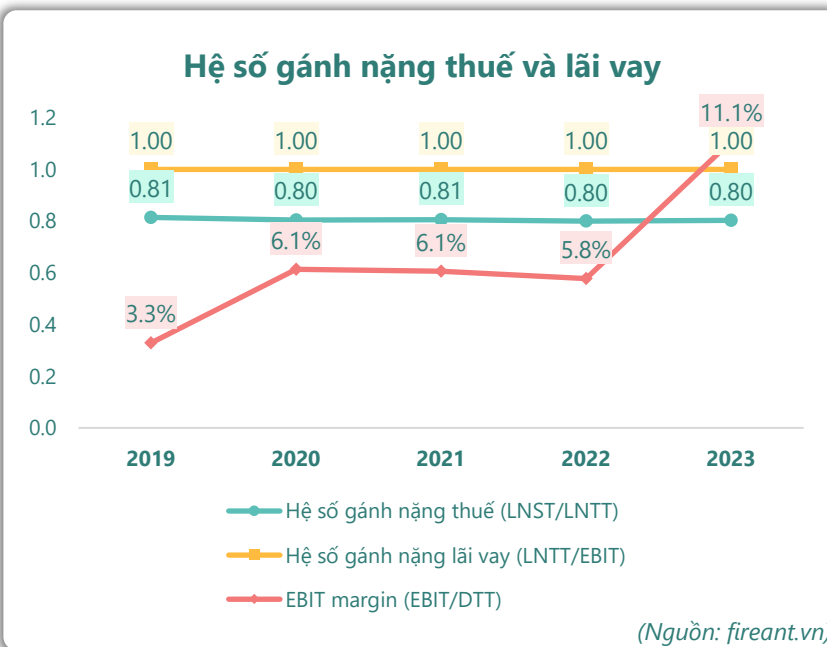
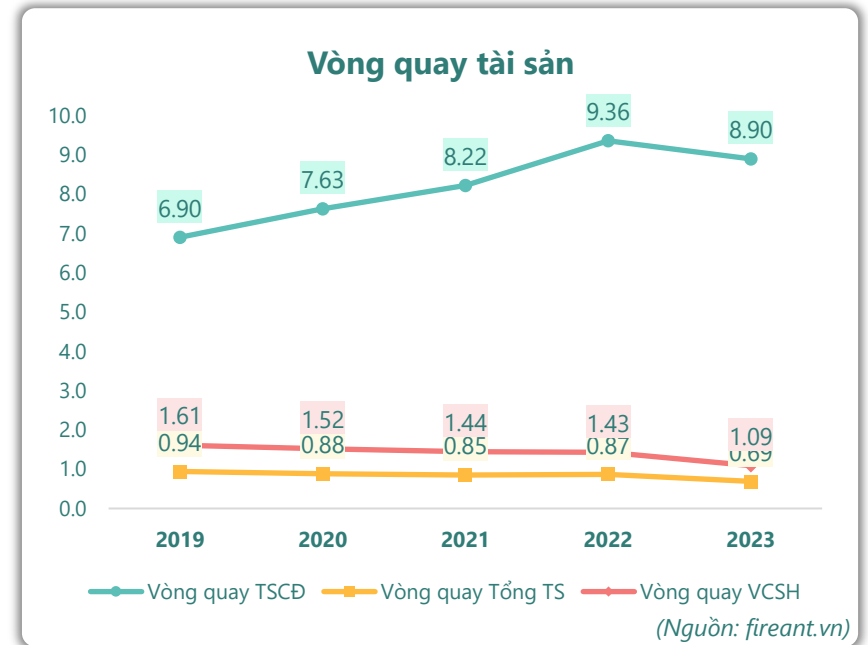
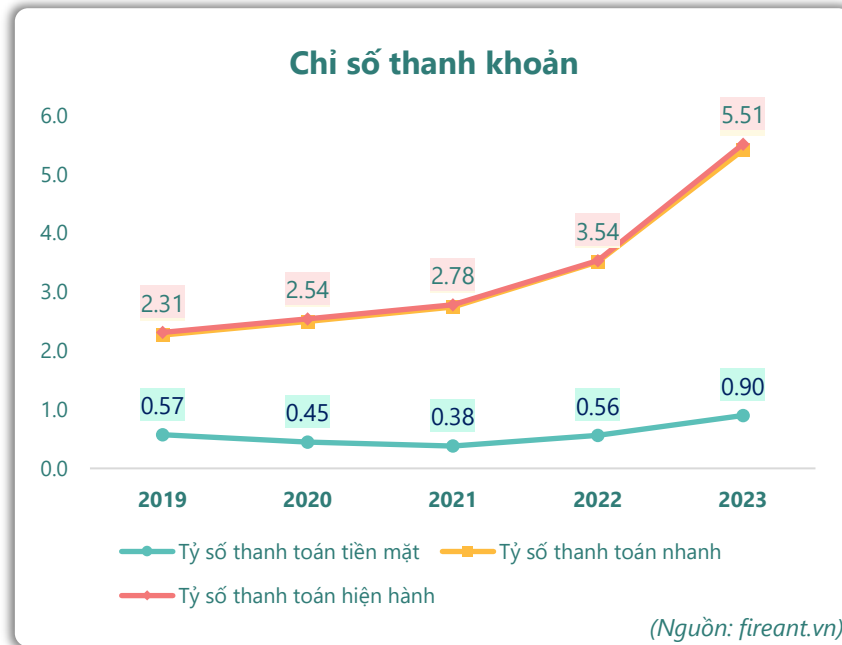
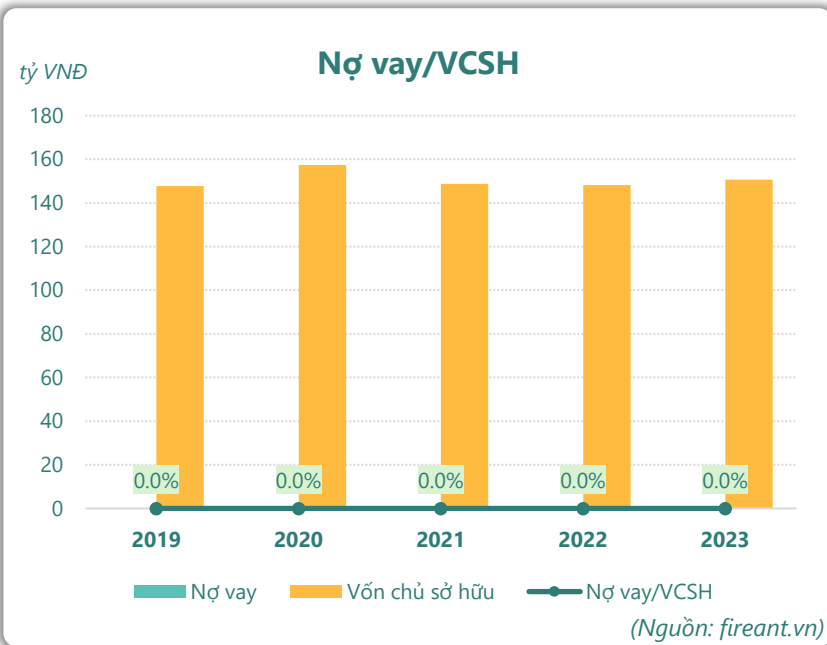
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	56.6	37.1	52.6%	105	71.2	47.1%
Giá vốn hàng bán	49.6	30.4	63.0%	91.6	60.9	50.5%
Lợi nhuận gộp	7.06	6.70	5.4%	13.1	10.3	27.1%
Doanh thu HĐTC	0.75	1.10	-32.2%	1.38	2.16	-36.1%
Chi phí TC	-0.05	0.01	-648%	0.03	-0.70	104%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.42	-96.0%	0.58	0.69	-15.4%
Chi phí QLDN	3.77	3.86	-2.2%	7.76	7.46	4.0%
LN thuần từ HĐKD	4.07	3.51	15.9%	6.10	5.01	21.7%
Lợi nhuận khác	0.66	1.98	-66.5%	3.22	2.26	42.6%
LN trước thuế	4.73	5.50	-14.0%	9.32	7.27	28.2%
Lợi nhuận sau thuế	3.84	4.40	-12.8%	7.51	5.82	29.1%
LNST của CĐ cty mẹ	3.84	4.40	-12.8%	7.51	5.82	29.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.83	-3.39	-27.9	39.6	-6.05	-5.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.81	22.3	15.5	-46.9	6.19	5.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.52	0.00	0	-8.93	-0.28	0.00
Tiền đầu kỳ	19.3	29.5	48.4	36.0	19.7	19.6
Lưu chuyển tiền thuần	10.1	18.9	-12.4	-16.3	-0.14	-0.31
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	29.5	48.4	36.0	19.7	19.6	19.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	241	234	3.0%
Tài sản ngắn hạn	129	121	6.7%
Tiền và tương đương tiền	19.3	19.7	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.5	54.1	-8.5%
Phải thu ngắn hạn	50.6	41.4	22.0%
Hàng tồn kho	4.75	2.17	118%
Tài sản ngắn hạn khác	4.84	3.39	42.6%
Tài sản dài hạn	112	114	-1.0%
Phải thu dài hạn	25.4	25.3	0.1%
Tài sản cố định	14.7	16.6	-11.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.6	50.2	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	17.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.57	4.30	6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	97.5	83.7	16.4%
Nợ ngắn hạn	35.3	21.9	61.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.00	7.44	-5.8%
Nợ dài hạn	62.1	61.8	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	144	151	-4.5%
Vốn chủ sở hữu	144	151	-4.5%
Vốn điều lệ	90.0	90.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

